

Mời: 31/11/2017

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN  
Số: 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy  
theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 2956/QĐ-HVCTQG ngày 27/6/2014 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Điều 11, Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 3307/QĐ-HVBCTT ngày 12/9/2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3307/QĐ-HVBCTT ngày 12/9/2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3. Các đồng chí Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và các sinh viên hệ đại học chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Học viện CTQG HCM;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: Văn thư, ĐT.

GIÁM ĐỐC *Trương Ngọc Nam*



PGS, TS. Trương Ngọc Nam

**QUY ĐỊNH**  
**Đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT  
ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy định này áp dụng đối với đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo, sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy trình độ đại học thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần**

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.
2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.
3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.
4. Chương trình được thực hiện với khối lượng tối thiểu của mỗi chương trình là 120 tín chỉ.

**Điều 3. Học phần và tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố hợp lý trong

một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã riêng do Học viện quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình mà sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của cố vấn học tập nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45-60 giờ làm tiểu luận, tác phẩm tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

5. Việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp, số giờ đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ hoặc xemina, hoặc bài tập lớn.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

Thời gian hoạt động giảng dạy của Học viện được tính từ 7h00 đến 22h20 hằng ngày.

Tuỳ theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Học viện, Ban Quản lý Đào tạo sắp xếp thời khoá biểu hằng ngày cho các lớp.

#### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ.

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học

phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khoá học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khoá học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

## Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Học viện Báo chí và Tuyên truyền tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Thời gian của năm học bắt đầu từ đầu tháng 8 năm trước và kết thúc vào cuối tháng 6 năm sau. Mỗi năm học có 2 kỳ học chính, mỗi kỳ học chính có 15 tuần học và 03 tuần thi. Trường hợp đặc biệt, Trường ban Quản lý Đào tạo đề nghị Giám đốc Học viện quyết định thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

Thời gian thiết kế cho một khoá học bậc đại học hệ chính quy tập trung là 4 năm.

Thời gian đào tạo được xác định trên cơ sở học phần và khối lượng tích lũy quy định cho từng chương trình và trình độ đào tạo theo tín chỉ.

2. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên tự sắp xếp để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo	Thời gian rút ngắn tối đa	Thời gian kéo dài tối đa
Đại học	4 năm	2 học kỳ chính	4 học kỳ chính

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

3. Căn cứ vào danh mục chương trình đào tạo, Ban Quản lý Đào tạo lập kế hoạch cho học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo năm học được Giám đốc Học viện phê duyệt và thông báo cho các đơn vị chậm nhất vào đầu tháng 5.

4. Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học, Ban Quản lý Đào tạo và các khoa xây

dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ. Ban Quản lý Đào tạo lập Thời khoá biểu dự kiến của học kỳ sau để sinh viên đăng ký, sau khi có Thời khoá biểu chính thức sẽ gửi cho các khoa, bộ môn và đưa lên website chậm nhất là hai tuần lễ trước khi kết thúc học kỳ.

5. Trong từng học kỳ, Ban Quản lý Đào tạo làm việc với các khoa để xây dựng kế hoạch thực hành thực tập các môn học, đồng thời quy định số nhóm thực hành, thực tập, xêmina của từng lớp. Kế hoạch thực hành, thực tập môn học được Giám đốc Học viện phê duyệt chậm nhất là 2 tuần lễ trước khi bắt đầu học kỳ mới.

6. Không điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, học tập của các học kỳ sau khi đã công bố Thời khoá biểu chính thức.

#### **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Khi nhập học, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại các khoa chủ quản.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Ban Quản lý Đào tạo trình Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận người đến nhập học là sinh viên chính thức của Học viện và cấp cho sinh viên: Thẻ sinh viên; Sổ tay sinh viên.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sinh viên nhập học được cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy định tổ chức đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

5. Sinh viên cần cung cấp một số thông tin cá nhân khi Ban Quản lý Đào tạo hoặc phòng Công tác chính trị yêu cầu.

#### **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo**

1. Đối với những ngành/chuyên ngành được xác định điểm chuẩn riêng thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được sắp xếp vào học các ngành/chuyên ngành đã đăng ký.

2. Đối với những ngành/chuyên ngành được xác định điểm chuẩn theo nhóm ngành thì căn cứ vào chỉ tiêu và số lượng thí sinh đăng ký để sắp xếp vào các ngành/chuyên ngành học. Căn cứ vào đăng ký chọn ngành/chuyên ngành, điểm

thi tuyển sinh và kết quả học tập, Học viện sắp xếp sinh viên vào các ngành/chuyên ngành học. Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn ngành/chuyên ngành theo thứ tự ưu tiên.

3. Đối với những ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến hay chất lượng cao, nhà trường tổ chức thi tuyển và xét duyệt vào ngành học mà sinh viên có nguyện vọng.

4. Sau khi sắp xếp sinh viên vào học các ngành/chuyên ngành đào tạo, hồ sơ sinh viên được chuyển về khoa chủ quản.

#### **Điều 9. Tổ chức lớp học**

1. Lớp học được tổ chức theo từng học phần trên cơ sở đăng ký khối lượng tín chỉ học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

- Số lượng sinh viên cho mỗi lớp học lý thuyết từ 40 - 200 sinh viên tùy theo từng loại học phần.

- Số lượng sinh viên cho mỗi nhóm thực hành/thực tập từ 40 - 75 sinh viên tùy theo từng loại học phần. Ban Quản lý Đào tạo thông báo Thời khoá biểu dự kiến trước khi sinh viên đăng ký học phần. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định.

2. Nếu số lượng sinh viên đăng ký học phần thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải chuyển sang đăng ký học những học phần khác có lớp, nếu chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ theo quy định của Học viện.

#### **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Trước ngày 15/5 và 01/12 hằng năm, nhà trường thông báo Thời khoá biểu dự kiến cho từng chương trình trong học kỳ, dự kiến số lớp học phần và số lượng sinh viên/lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần.

2. Tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từ ngày 01/12 đến 15/12 và từ ngày 15/5 đến 01/6 hằng năm, sinh viên đăng ký online các học phần sẽ học trong học kỳ 2 và học kỳ 1 trên Website (Mẫu 1). Từ ngày 22/12 đến 30/12 và từ ngày 6/6 đến 12/6 sinh viên nộp đơn xin đăng ký bổ sung học phần (Mẫu 2) hoặc huỷ các học phần đã đăng ký (mẫu 3) tại Ban Quản lý Đào tạo.

3. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) Từ 14 - 25 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khoá học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) Từ 10 - 13 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khoá học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

5. Sinh viên đăng ký quá ít học phần trong học kỳ (dưới 10 tín chỉ) sẽ bị kỷ luật ở hình thức khiển trách, nếu 2 học kỳ liên tiếp thì sẽ bị buộc thôi học.

6. Sinh viên phải đăng ký tối thiểu 16 tín chỉ (trừ học kì cuối và không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) trong một học kỳ mới được xếp vào diện được xét cấp học bổng.

7. Sinh viên có nhu cầu học để được cấp chứng chỉ riêng cho một hoặc nhiều học phần nằm ngoài chương trình đào tạo đang học có thể đăng ký vào lớp học phần theo quy định.

8. Trong thời gian thực hiện khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp, sinh viên vẫn có thể đăng ký thêm các học phần khác sao cho tổng số tín chỉ tối đa không vượt quá tổng số tín chỉ cho phép trong học kỳ và được giảng viên hướng dẫn cho phép.

9. Ban Quản lý Đào tạo chỉ nhận đăng kí học tập của sinh viên ở mỗi kì học sau khi sinh viên đăng kí học tập trên cổng thông tin, được phê duyệt và có chữ kí chấp thuận của cố vấn học tập trên phiếu đăng kí học tập. Khối lượng đăng kí học tập theo từng kì của từng sinh viên phải được cố vấn học tập lưu trữ qua phiếu đăng kí học tập. Trên cơ sở khối lượng đăng kí học tập đã phê duyệt, cố vấn học tập tổng hợp và nộp lên Ban Quản lý Đào tạo.

### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện đến hết tuần thứ 2 kể từ đầu học kỳ chính, hết tuần thứ 1 kể từ đầu học kỳ phụ (nếu có). Ngoài thời hạn nêu trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F. Sinh viên xin rút học phần đã đăng ký sẽ không được trả lại tiền học phí.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn (mẫu 4) nộp tại Ban Quản lý Đào tạo;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Giám đốc Học viện;

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

#### **Điều 12. Đăng ký học lại**

1. Sinh viên không thuộc đối tượng buộc thôi học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại đối với học phần bị điểm D trở lên để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Mức học phí tính chỉ đối với học phần đăng ký học lại và học cải thiện điểm gấp 1,5 lần mức học phí tính chỉ hiện hành.

4. Thời gian đăng ký học lại: cùng thời gian quy định đăng ký học phần (Khoản 2 Điều 10). Đối với các lớp học tập trung ngoài giờ, học trong học kỳ hè sẽ có thông báo riêng.

#### **Điều 13. Miễn học, miễn thi, nghỉ ốm**

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình, sinh viên học văn bằng 2 được bảo lưu những học phần có cùng nội dung và có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn số tín chỉ của học phần thuộc chương trình giáo dục của ngành.

2. Sinh viên bị ốm trong đợt thi phải viết đơn xin hoãn thi (mẫu 10) gửi Ban Quản lý Đào tạo chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày thi và phải xuất trình giấy chứng nhận của Phòng y tế Học viện, hoặc y tế địa phương, hoặc của bệnh viện.

Trường hợp sinh viên muốn xin hoãn thi do có người thân (ông, bà, bố, mẹ, anh chị em ruột, con) mất vào ngày thi hoặc trước ngày thi từ 1 đến 2 ngày phải viết đơn xin phép (mẫu 10) gửi Ban Quản lý Đào tạo chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày thi và nộp giấy xác nhận của Ủy ban nhân xã về sự việc trên trong thời gian 3 ngày sau khi nộp đơn.

Các trường hợp đặc biệt khác do bị tai nạn phải nhập viện, đi cấp cứu trong tình trạng nguy kịch, bị ốm vào ngày thi nhưng ngày thi là ngày nghỉ (Thứ bảy, Chủ nhật), sinh viên phải nộp đơn xin hoãn thi và các giấy xác nhận của y tế chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày thi.

#### **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được



xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ trở lên;

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

#### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Giám đốc Học viện xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học (mẫu 5) trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện trở lên (kèm theo giấy nhập, xuất viện và hoá đơn viện phí);
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn (mẫu 6) gửi về Ban Quản lý Đào tạo (có xác nhận tại nơi cư trú) ít nhất một tuần trước thời gian đăng ký học phần của học kỳ.

#### **Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng năm học, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên điểm trung bình chung

tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

Số lần cảnh báo kết quả học tập không vượt quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Học viện.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Học viện có thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

### **Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng. Sinh viên có nhu cầu học cùng lúc hai chương trình phải viết đơn (mẫu 7) kèm theo bảng điểm các môn đã học ở chương trình thứ nhất nộp về Ban Quản lý Đào tạo trước ngày 30/4 và 15/11 hằng năm. Căn cứ Quy định tổ chức đào tạo, nhà trường xét duyệt và quyết định cho sinh viên học chương trình thứ hai trước ngày 15/5 và 30/11 hằng năm để sinh viên đăng ký học phần trong học kỳ theo quy định.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Khối thi tuyển sinh đầu vào của khoá học phù hợp với ngành học ở chương trình 2.

d) Hiện không phải là sinh viên học kỳ cuối cùng của khoá học.

e) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ của từng chương trình đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

5. Sau khi hoàn thành chương trình 2, sinh viên phải làm đơn đề nghị Nhà trường xét tốt nghiệp (mẫu 8).

### **Điều 18. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

e) Tại thời điểm chuyển trường không thuộc diện bị buộc thôi học.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường (mẫu 9);

b) Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

### Chương III

## KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

### Điều 19. Nội dung và phương thức đánh giá học phần

1. Nội dung đánh giá học phần gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên.
2. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần (lý thuyết hoặc thực hành); điểm thi kết thúc học phần.
3. Trọng số của điểm đánh giá bộ phận trong điểm học phần được tính như sau:
  - Điểm đánh giá ý thức học tập: 0,10;
  - Điểm kiểm tra giữa học phần: 0,30;
  - Điểm thi kết thúc học phần: 0,60.
4. Đối với các học phần thực hành: điểm học phần là Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ.
5. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một số thập phân.
6. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp chấm điểm đánh giá ý thức học tập, ra đề và chấm bài kiểm tra giữa học phần.
7. Giảng viên lấy Danh sách sinh viên theo học học phần trên phần mềm quản lý đào tạo.
8. Thời hạn nộp điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần: trong vòng 3 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo Thời khoá biểu đã ban hành. Bản in có chữ ký của giảng viên phụ trách học phần và xác nhận của Ban Chủ nhiệm khoa nộp về Ban Quản lý Đào tạo; gửi file mềm cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo.

### Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Trong mỗi học kỳ, Học viện tổ chức 1 - 2 kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính (có lý do chính đáng) và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. Ban Quản lý Đào tạo bố trí lịch thi kết thúc học phần, công bố trên trang Website: <http://ajc.hcma.vn/> 30 ngày trước khi thi.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

3. Thời gian thi của các học phần, môn học theo hình thức tự luận: Học phần có khối lượng 2 tín chỉ: 90 phút; học phần có khối lượng 3 tín chỉ: 120 phút; học phần có khối lượng từ 4 tín chỉ trở lên: 180 phút. Thời gian thi theo hình thức trắc nghiệm ít nhất 15 phút/tín chỉ.

4. Giảng viên lấy Danh sách sinh viên dự thi học phần trên phần mềm quản lý đào tạo. Đối với các học phần thi tập trung theo Quy định của Giám đốc Học viện, Ban Quản lý đào tạo chuẩn bị và phối hợp với khoa, Phòng Thanh tra, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo tổ chức thi các học phần.

5. Điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần sau khi đã trả nợ học phí (nếu có) và nộp đủ học phí của học kỳ theo thời gian quy định của Nhà trường và có đủ các điều kiện sau:

a) Đối với các học phần lý thuyết: Có mặt trên lớp học ít nhất 75% số giờ quy định.

b) Đối với các học phần chỉ có thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành.

c) Đối với các học phần có cả thực hành và lý thuyết: Tham dự đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành, phải hoàn thành đầy đủ các bài thực hành, thực tập và được đánh giá là đạt phần thực hành, đồng thời đủ điều kiện dự thi phần lý thuyết (quy định tại mục a).

#### **Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy trình thi và kiểm tra của trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Giám đốc Học viện duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần. Tổng số tín chỉ của các học phần được tổ chức thi bằng hình thức tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn không vượt quá 1/2 tổng số tín chỉ được bố trí giảng dạy trong học kỳ đó đối với các ngành Báo chí, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Xuất bản; và không vượt quá 1/3 tổng số tín chỉ được bố trí giảng dạy trong học kỳ đó đối với các ngành khác.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu

luận, tác phẩm, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Bài thi, tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn phải được lưu giữ ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, tác phẩm, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn hoặc Trường khoa quyết định.

Bảng điểm thi kết thúc học phần phải có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và của Trường khoa và làm thành hai bản, một bản lưu tại khoa, một bản gửi về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận bài chấm. Bảng điểm tổng hợp của học phần có chữ ký của cán bộ tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo hoặc Trường khoa tổ chức giảng dạy. Bảng điểm tổng hợp được làm thành 04 bản, bản gốc gửi Ban Quản lý Đào tạo, 01 bản gửi khoa tổ chức giảng dạy, 01 bản gửi Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, 01 bản lưu văn thư. Sinh viên kiểm tra điểm trên phần mềm Quản lý đào tạo của Học viện.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0. Sinh viên có lý do chính đáng không thể dự thi kết thúc học phần phải làm đơn xin hoãn thi (mẫu 10), kèm theo các giấy tờ hợp lệ nộp cho Ban Quản lý Đào tạo trong vòng 1 tuần kể từ ngày thi. Khi đã được chấp nhận, sinh viên được sắp xếp thi cùng lớp khác và kết quả được tính là kết quả thi lần 1. Trường hợp không có kỳ thi phụ, những sinh viên này khi được Giám đốc Học viện cho phép sẽ dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

#### **Điều 22. Kiểm tra quy trình chấm thi**

Sinh viên có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần (mẫu 11) cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và khoa giảng dạy học phần kiểm tra lại quy trình chấm, trả lời sinh viên sau 2 tuần kể từ ngày nhận đơn.

#### **Điều 23. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10)

Giỏi

B (7,0 - 8,4)

Khá

C (5,5 - 6,9)

Trung bình

D (4,0 - 5,4)

Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trường khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả

nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Ban Quản lý Đào tạo của Học viện chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

#### Điều 24. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A	tương ứng với	4
B	tương ứng với	3
C	tương ứng với	2
D	tương ứng với	1
F	tương ứng với	0

Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức, Giám đốc Học viện quy định quy đổi các mức điểm chữ đó qua các điểm số thích hợp, với một chữ số thập phân.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ i

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.



Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ và mỗi năm học được xếp loại theo điều 28 của Quy định này.

#### **Chương IV**

### **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 25. Thực tập cuối khoá, làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp**

Các sinh viên đủ tiêu chuẩn được đăng ký làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định như sau:

##### **1. Làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp:**

– Sinh viên hệ chính quy bậc đại học không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong quá trình học tập;

– Sinh viên đã tích lũy ít nhất được 80% số tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng);

– Điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên đạt 2,50 trở lên.

Tỷ lệ sinh viên làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp không vượt quá 30% tổng số sinh viên mỗi lớp đối với hệ đào tạo văn bằng 1 và không quá 40% tổng số sinh viên đối với hệ đào tạo văn bằng thứ hai. Sinh viên Lào được đăng ký hình thức tốt nghiệp theo nguyện vọng.

Riêng đối với hình thức làm tác phẩm tốt nghiệp, các khoa phải có văn bản đề nghị Giám đốc Học viện duyệt trước khi cho sinh viên đăng ký.

Danh sách sinh viên được làm khoá luận tốt nghiệp được thông báo trước ngày 15/5 và 1/12 hằng năm để sinh viên có thể kịp thời gian đăng ký vào các lớp học phần của học kỳ tiếp theo của khoá học.

– Thời gian thực hiện đề tài khoá luận tốt nghiệp: từ 4 - 6 tháng.

– Khoá luận tốt nghiệp là một học phần có khối lượng: 7 tín chỉ (mẫu 14).

**2. Học và thi một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:** sinh viên không đủ tiêu chuẩn làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành/chuyên ngành.

## **Điều 26. Chấm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp**

1. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài khoá luận tốt nghiệp, được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn, sinh viên phải hoàn thành khoá luận tốt nghiệp và in thành 3 quyển đóng bìa mềm nộp tại khoa chuyên môn.

2. Đánh giá khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp bằng hình thức chấm điểm.

Thành phần tổ chấm gồm: tổ trưởng, thư ký và 1 ủy viên. Người hướng dẫn không tham gia tổ chấm nhưng phải có bản nhận xét gửi tới Tổ chấm trước khi tổ chức chấm 3 ngày. Tổ chấm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp chỉ được tiến hành khi có mặt đầy đủ cả 3 thành viên.

Tổ chấm cho điểm bằng phiếu chấm. Điểm chấm khoá luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm học phần khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp là trung bình cộng điểm của các thành viên trong tổ chấm, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định tại khoản 2, Điều 23 của Quy định này. Điểm khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

Chậm nhất 3 ngày sau khi chấm thi xong, các tiểu ban phải gửi biên bản và kết quả thi tốt nghiệp về Ban Quản lý Đào tạo.

3. Sinh viên không hoàn thành khoá luận tốt nghiệp do điều kiện khách quan được giáo viên hướng dẫn và khoa xác nhận, hoặc có kết quả chấm khoá luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại khoá luận tốt nghiệp hoặc phải học và thi 10 tín chỉ thay thế khoá luận tốt nghiệp. Việc làm lại khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp do các khoa quy định.

## **Điều 27. Thời gian, điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét công nhận tốt nghiệp:

- a) Nộp đầy đủ học phí.
- b) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- c) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo theo học (bao gồm các học phần bắt buộc và tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu);
- d) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Thoả mãn các yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Giám đốc Học viện quy định;
- e) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất;
- f) Có đơn gửi Ban Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường

hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

g) Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học theo quy định của Học viện.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng ban Quản lý Đào tạo làm Ủy viên thường trực và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn và một số phòng ban có liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Sinh viên thuộc đối tượng hoãn công nhận tốt nghiệp một năm, khi hết thời hạn phải có đơn xin công nhận tốt nghiệp kèm theo bản kiểm điểm đánh giá những tiến bộ của bản thân và xác nhận của địa phương, nơi sinh viên về tham gia sản xuất, sinh hoạt hoặc công tác, đề nghị Giám đốc Học viện xét công nhận tốt nghiệp với khoá sau. Hồ sơ xin công nhận tốt nghiệp gửi về Ban Quản lý Đào tạo trước 1 tháng kể từ ngày Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng chưa muốn xét tốt nghiệp do cần kéo dài thời gian ở trong trường theo quy định ở Khoản 2 điều 6 có thể viết đơn xin chưa xét tốt nghiệp (mẫu 12) và nộp Ban Quản lý Đào tạo vào cuối mỗi học kỳ.

**Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.
3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần, trong bảng điểm phải ghi chuyên ngành.
4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.
5. Sinh viên chưa được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ các học phần đó để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.
6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Học viện. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định.

## Chương V

### XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp, nếu vi phạm quy định về tổ chức thi, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.
2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy./.

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Trương Ngọc Nam

## ĐÀO TẠO

### Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

🕒 25/09/2014 11:05 AM

Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ

1. NỘI DUNG QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐHCQ THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ: Tải tại đây

2. PHỤ LỤC QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐHCQ THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ:

Mẫu 1: Phiếu đăng ký học phần

Mẫu 2: Phiếu đăng ký học phần bổ sung

Mẫu 3: Phiếu xin hủy học phần đã đăng ký

Mẫu 4: Phiếu xin rút học phần đã đăng ký

Mẫu 5: Đơn xin tạm nghỉ học

Mẫu 6: Đơn đề nghị tiếp tục hoàn thiện khóa học

Mẫu 7: Đơn đăng ký học cùng lúc hai chương trình

Mẫu 8: Đơn đề nghị xét tốt nghiệp đại học chương trình 2

Mẫu 9: Đơn xin chuyển trường

Mẫu 10: Đơn xin hoãn thi

Mẫu 11: Đơn xin kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần

Mẫu 12: Đơn xin hoãn xét tốt nghiệp

Mẫu 13: Giấy thanh toán khoản phí ra trường

10/pages/Thong-bao-he-dao-tao-thac-si.aspx?Itemid=12...

📅 Thứ hai, ngày 01/06/2020

🔍 Tìm kiếm...

### 📁 THÔNG BÁO - QUY ĐỊNH

- Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2020
- Thông báo về việc điều chỉnh lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2020
- Về việc điều chỉnh lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2020
- Thông báo thu liên học phí học kỳ 2 các khóa
- Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ liên sư năm 2020

### 📁 ALBUM ẢNH

